

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/DS-PT
Ngày 16 tháng 01 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh
Bà Đinh Cẩm Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp Hợp đồng thi công.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 596/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn D1; địa chỉ: Số C, đường L, Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B – Giám đốc công ty; CCCD: 096075004152; cấp ngày 01/04/2023 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hồng M, sinh năm 1970; địa chỉ: Số C, đường P, Khóm E, phường A, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đông D, sinh năm 1978; địa chỉ: Số B, đường T, Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau; CCCD: 096078008020; cấp ngày 25/12/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; là người đại diện theo ủy quyền của ông M. (văn bản ủy quyền ngày 28/4/2025).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Trần Hồng M.

(Ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Đông D có mặt)
NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2025, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày: Ngày 18/07/2024 Công ty D1 (gọi là bên B) và ông Trần Hồng M (gọi là bên A) tiến hành ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình trọn gói số 63/HĐXD/PNS đối với công trình C (Cấu tạo công trình: Công trình xây dựng sửa chữa và trang trí sửa chữa và lắp đặt trang thiết bị theo bảng dự toán thi công tại địa chỉ: Số C, đường P, Khóm E, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau). Tổng giá trị hợp đồng theo bảng dự toán thi công số tiền 2.008.234.000 đồng và được thanh toán thành 05 đợt. Bên B tổ chức thi công từ ngày 18/08/2024 đến ngày 20/11/2024 hoàn thành tất cả các hạng mục của công trình.

Ngày 20/11/2024, Bên B đã bàn giao công trình hoàn tất cho bên A, bên A đã đưa công trình vào hoạt động. Tuy nhiên, bên A cố tình không chịu nghiệm thu và thanh toán khoản tiền còn lại cho bên B. Bên B nhiều lần liên hệ, trực tiếp gặp bên A đề nghị bên A nghiệm T, xác nhận công nợ cho bên B, nhưng bên A cho rằng bên B thi công không đúng tiêu chuẩn, khi đó bên B yêu cầu bên A làm biên bản nêu rõ những hạng mục nào bên B xây dựng không đúng tiêu chuẩn thì bên A từ chối, dẫn đến tranh chấp giữa hai bên.

Bên A không chịu nghiệm thu và xác nhận công nợ cho bên B nhằm để kéo dài thời gian chiếm dụng tiền công của bên B. Theo giá trị hợp đồng và bảng dự toán số tiền 2.008.234.000 đồng. Bên A đã thanh toán cho bên B tổng số tiền 1.565.000.000 đồng, còn lại những hạng mục phát sinh, những hạng mục chưa làm, đã có văn bản thống nhất giữa bên A với bên B, bên A còn nợ lại bên B với số tiền 438.234.000 đồng.

Từ nội dung trên, Công ty D1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bên ông Trần Hồng M tiến hành nghiệm thu công trình, xác nhận công nợ cho Công ty D1 và thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ 438.234.000 đồng cho Công ty D1; khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật và mức phạt do vi phạm điều khoản hợp đồng tạm tính từ ngày 20/11/2024 đến 20/01/2025, cụ thể:

Số tiền chậm trả 438.234.000 đồng; lãi suất từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/01/2025 thời gian 02 tháng trên số tiền 438.234.000 đồng $\times 0,83\%/tháng \times 02$ tháng = 7.274.000 đồng; phạt do vi phạm hợp đồng (Điểm 11.2 Điều 11 của Hợp đồng): 438.234.000 đồng $\times 0,1\%/ngày \times 60$ ngày = 26.294.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nguyên đơn rút lại yêu cầu phạt do vi phạm hợp đồng; yêu cầu được thu hồi màn hình Led P5 số tiền 72.000.000 đồng và trừ lại 5% tiền công trên số tiền 375.000.000 đồng là 18.750.000 đồng; trừ lại 5.000.000 đồng tiền ống nước và 1.000.000 đồng tiền sửa chữa những chỗ bị ẩm.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M trả số tiền 300.000.000 đồng và số tiền chậm trả 300.000.000 đồng trên lãi suất từ ngày 20/11/2024 đến ngày xét xử trên số tiền 300.000.000 đồng $\times 0,83\%/tháng \times 09 tháng = 22.410.000$ đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện bị đơn ông Nguyễn Đông D trình bày: Vào ngày 18/07/2024 ông M với Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 tiến hành ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình sửa chữa nâng cấp tòa nhà Sao Mai cũ tại số C, đường P, Khóm E, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Các bên lập bảng dự toán số tiền 2.008.234.000 đồng, theo như bảng dự toán không vượt quá số tiền 2.008.234.000 đồng. Khi các bên lập hợp đồng thỏa thuận có nội dung hạng mục nào bên Công ty D1 thi công thì tính tiền, còn hạng mục nào bên Công ty D1 không thi công thì trừ lại cho chủ đầu tư.

Dự kiến thi công công trình trong thời hạn 90 ngày bên Công ty D1 phải thi công hoàn thiện và bàn giao công trình cho ông M. Tuy nhiên, trong quá trình thi công thì Công ty D1 trễ thời gian 28 ngày. Khi đó giữa ông M với Công ty D1 không có thỏa thuận được việc kéo dài thời gian và hai bên không lập biên bản.

Khi thi công Công ty D1 thực hiện không đúng các vấn đề sau: Về đường ống nước không đúng chủng loại, chất lượng theo hợp đồng; nước sơn không đúng chủng loại theo hợp đồng; đường ống nước thải không che chắn; kính cường lực không bơm keo nên dẫn đến vỡ; đường nước bị tắc không hoạt động được; máng nước sân thượng bị nứt nên nước chảy vào nhà; màn hình led không sử dụng được; bảng hiệu nội dung Cơm văn phòng Phương N và đường điện không đảm bảo phòng cháy, chữa cháy; gạch lát nền chưa đưa vào sử dụng bị bể một số hạng mục; hầm lắng bể công nghiệp không sử dụng được nên phải làm hầm mới; ống nước vỡ ngay ngày mở bán 20/11/2024 dẫn đến tràn vào các công trình khác nên thiệt hại tiền nước 02 tháng số tiền 17.828.472 đồng. Khi sự việc xảy ra, ông có yêu cầu Công ty D1 kiểm tra, khắc phục nhưng Công ty D1 không thực hiện (hai bên không có lập biên bản nhưng ông có nhắn tin cho Công ty D1). Từ đó ông M ngưng 26 ngày để sửa chữa khắc phục các thiệt hại trên mỗi ngày tương đương số tiền 25.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của Công ty D1 yêu cầu ông M trả số tiền 300.000.000 đồng và lãi phát sinh ông M không đồng ý.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Cà Mau đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 đối với yêu cầu phạt do vi phạm hợp đồng và yêu cầu được thu hồi màn hình Led P5.

2. Buộc ông Trần Hồng M trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 tổng số tiền 322.410.000 đồng (ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 di dời màn hình Led P5 khỏi vị trí đã lắp đặt để trả lại hiện trạng cho ông M.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2025, ông Trần Hồng M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Cà Mau theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông phải có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 tổng số tiền 322.410.000 đồng .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hồng M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Hồng M nộp trong thời hạn luật định, đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Trần Hồng M không đồng ý có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 số tiền 322.410.000 đồng trong đó tiền thi công xây dựng chưa thanh toán là 300.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả 22.410.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 18/7/2024 giữa Công ty D1 với ông Trần Hồng M ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình trọn gói số 63/HĐXD/PNS tổng số tiền 2.008.234.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn xuất trình hợp đồng thi công xây dựng công trình trọn gói số 01/HĐXD/PNS cùng ngày 18/7/2024 tổng số tiền là 1.275.000.000 đồng, ít hơn giá trị ghi tại hợp đồng số 63 nêu trên; thấy rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện tại cấp sơ thẩm phía bị đơn đều xác định giá trị hợp đồng thi công là 2.008.234.000 đồng, phù hợp với lời xác định của phía nguyên đơn, do đó không có căn cứ xác định giá trị hợp đồng là 1.275.000.000 đồng như lời trình bày của đại diện bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại Điều 5 của hợp đồng quy định về điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình như sau: “5.1. Điều kiện nghiệm thu: Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định. 5.2. Cơ sở và hình thức nghiệm thu Bên A, Bên B cùng tiến hành

kiểm tra nghiệm thu. Các chỉ tiêu kỹ thuật phải được bên A kiểm tra và nghiệm thu; chấp nhận theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành. Bên B phải cử đại diện có thẩm quyền để tham gia Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan. 5.3. Thời gian nghiệm thu: Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu theo các điểm dừng kỹ thuật. Tất cả các khối lượng, hạng mục ngầm, khuất lấp phải được nghiệm thu kỹ thuật, hoàn tất bằng bản vẽ hoàn công có kiểm tra xác nhận đầy đủ trước khi thi công các giai đoạn tiếp theo. Sau khi hoàn thành toàn bộ công trình sẽ tiến hành nghiệm thu chính thức. Khi hạng mục hoàn chỉnh đủ điều kiện nghiệm thu, Bên B báo cho Bên A bằng văn bản hoặc bằng miệng trước ít nhất 1 ngày trước ngày dự kiến bắt đầu tiến hành nghiệm thu. Sau khi kiểm tra hạng mục cần nghiệm thu đạt yêu cầu quy định thì Bên A sẽ tổ chức nghiệm thu trong thời gian không quá 1 ngày tính từ ngày bên A nhận được thông báo của bên B. 5.4. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng: Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong Đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng Việt Nam. Và điểm 11.1.2 thi công không đảm bảo chất lượng: Trường hợp hư hỏng, sự cố gây ra có kiểm định và thiết kế sửa chữa bổ sung, mọi chi phí này bên B phải chịu trách nhiệm...”

Tại Điều 7.2 của hợp đồng quy định về điều khoản tạm ứng và thanh toán như sau:

“Tạm ứng hợp đồng

* Đợt 1: Ngay sau khi hai bên ký hợp đồng bên A sẽ tạm ứng cho bên B bằng 30% giá trị hợp đồng

* Đợt 2: Hoàn thành tầng trệt bên A sẽ tạm ứng cho bên B bằng 15%

* Đợt 3: Hoàn thành xong tầng 1 bên A sẽ tạm ứng cho bên B bằng 15%

* Đợt 4: Hoàn thành xong tầng 2 bên A sẽ tạm ứng cho bên B bằng 15% * Đợt 5: Bàn giao đưa và sử dụng phần bên A sẽ đưa hết 25% cho bên B phần còn lại”.

Tại Điều 11.2 của hợp đồng quy định về bên A (ông Trần Hồng M) phải chịu phạt trong trường hợp như sau:

“1.2. Bên A sẽ phải chịu phạt trong trường hợp sau đây: Bên A phải thực hiện Tạm ứng và Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng này. Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B, Bên B có quyền phạt bên A 0.1% /ngày cho số tiền chậm thanh toán và tổng mức phạt không quá 10% giá trị hợp đồng. Trong trường hợp: Bên A chậm thanh toán cho bên B quá 10 ngày so với điều 7 của hợp đồng thì: Bên B có quyền dừng thi công và bên B không chịu trách nhiệm về tiến độ thi công công trình”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M thanh toán cho Công ty D1 được số tiền 1.565.000.000 đồng, số tiền còn lại ông M chưa thanh toán với lý do: ông M cho rằng Công ty D1 sơn nước sơn không đúng chủng loại theo hợp đồng; đường ống nước thải không che chắn; kính cường lực không bơm keo nên dẫn đến vỡ; đường nước bị tắc không hoạt động được; bảng hiệu nội dung Cơm văn phòng Phương N và đường điện không đảm bảo phòng cháy, chữa cháy; gạch lát nền chưa đưa vào sử dụng bị bể một số hạng mục; hầm lắng bếp công nghiệp không sử

dụng được nên phải làm hầm mới; máng nước sân thượng bị nứt nên nước chảy vào nhà. Ngoài ra, khi ông M mời bên thứ ba về sửa chữa những hư hỏng.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.*

...

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

Ông M cho rằng việc thi công không đúng chất lượng nhưng ông M không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời xác định này. Ngoài ra, ông M cho rằng có yêu cầu bên thứ ba sửa chữa những hư hỏng nhưng ông M không cung cấp được hóa đơn chứng từ sửa chữa này. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông M, cấp sơ thẩm buộc ông M thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 số tiền thi công xây dựng là 300.000.000 đồng là có căn cứ.

Thực tế các đương sự thừa nhận công trình xây dựng quán C đã được đưa vào sử dụng, ông M đã kinh doanh quán từ tháng 01/2025 cho đến nay là đã 01 năm nhưng phía ông M vẫn chưa thanh toán tiền cho Công ty D1, do đó việc Công ty D1 yêu cầu tính lãi từ ngày 20/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền chậm trả là phù hợp. Theo hợp đồng các bên thỏa thuận lãi phạt chậm trả là 0,1%/ngày tương đương 3%/tháng nhưng phía nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất 0,83%/tháng là có lợi cho phía bị đơn. Do đó, ông M phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty D1 tiền lãi như sau: $0,83\%/tháng \times 09 \text{ tháng} = 22.410.000$ đồng là phù hợp.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hồng M. Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Cà Mau.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hồng M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hồng M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Cà Mau.

Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 91, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 138, 145, 146 Luật xây dựng;

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 468, Điều 542 và Điều 552 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 đối với yêu cầu phạt do vi phạm hợp đồng và yêu cầu được thu hồi màn hình Led P5.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn D1.

Buộc ông Trần Hồng M trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 tổng số tiền 322.410.000 đồng, trong đó tiền thi công xây dựng chưa thanh toán là 300.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 22.410.000 đồng

3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 di dời màn hình Led P5 khỏi vị trí đã lắp đặt để trả lại hiện trạng cho ông M.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Hồng M phải chịu số tiền 800.000 đồng. Ông M có nghĩa vụ nộp để hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D1.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hồng M phải chịu 16.120.000 đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 không phải chịu, hoàn lại cho Công ty D1 tiền tạm ứng án phí 11.544.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010210 ngày 24/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự khu vực 1-Cà Mau).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hồng M phải chịu 300.000 đồng. Ông M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000182 ngày 4/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 1-CM;
- Phòng THADS khu vực 1-CM;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương